

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 01/7/2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

2. Địa chỉ: Số 33 Vĩnh Viễn, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh

Số tài khoản: 3713.0.1076864.00000

Mở tại: Kho bạc Nhà nước khu vực II, TP.HCM

Người đại diện theo pháp luật: Trần Văn Tú

Chức vụ: Hiệu trưởng

2.1. Trụ sở chính: Số 33 Vĩnh Viễn, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38330731

Email: hce@kthcm.edu.vn

Website: www.kthcm.edu.vn

2.2. Địa điểm đào tạo

Địa chỉ: Số 33 Vĩnh Viễn, phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38330731

Fax: 028.38330731

Email: hce@kthcm.edu.vn

2.3. Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Công lập

3. Quyết định thành lập số 620/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03/02/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định đổi tên số: Không có

5. Cơ cấu, tổ chức bộ máy, gồm:

5.1. Hội đồng trường: ☒ Thành lập theo Quyết định số 1199/QĐ-SGDĐT ngày 14/5/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Thành lập Hội đồng trường của trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (nhiệm kỳ 2021-2026)

5.2. Ban Giám hiệu, gồm:

a) Hiệu trưởng: Trần Văn Tú

- Ngày, tháng, năm sinh: 09/04/1976

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

- Nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp:

Đã được cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định số 751/QĐ-TCGDNN ngày 28/10/2020 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

b) Phó Hiệu trưởng:

- Họ và tên: Phạm Hùng Dũng

+ Ngày, tháng, năm sinh: 27/02/1978

+ Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ

+ Nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp:

Đã qua lớp bồi dưỡng: ☒; Theo Thông báo số 541/TB-CĐKT ngày 07/9/2017 của Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM về tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Họ và tên: Võ Thị Khánh Vân

+ Ngày, tháng, năm sinh: 01/09/1977

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

+ Nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp:

Đã qua lớp bồi dưỡng: ☒; Theo Thông báo số 541/TB-CĐKT ngày 07/9/2017 của Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM về tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Họ và tên: Nguyễn Đăng An Long

+ Ngày, tháng, năm sinh: 19/02/1976

+ Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ

+ Nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp:

Đã qua lớp bồi dưỡng: ☒; Theo Quyết định số 511/QĐ-CĐKT ngày 05/7/2022 của Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM về cử viên chức tham gia bồi dưỡng “Nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp” năm 2022.

c) Số phòng, gồm: 07 phòng: Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, phòng Quan hệ hợp tác – Quản lý khoa học – Thư viện, phòng Công tác Học sinh Sinh viên, phòng Quản trị Cơ sở vật chất.

d) Số khoa, tổ bộ môn, gồm: 07 khoa: Khoa Khoa học cơ bản, khoa Quản trị - Kinh doanh, khoa Ngoại ngữ, khoa Tài chính - Ngân hàng, khoa Kế toán - Kiểm toán, khoa Công nghệ thông tin, khoa Khoa học xã hội – Khách sạn – Du lịch.

e) Số trung tâm, gồm: 02 trung tâm: Trung tâm Truyền thông - Tuyển sinh, Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực và Dịch vụ.

6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 39/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 02 tháng 6 năm 2022.

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 39a/2022/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 17 tháng 01 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 39b/2022/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 06 tháng 7 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 39c/2022/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 06 tháng 02 năm 2024.

Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 39d/2022/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 10 tháng 7 năm 2024.

a) Tổng số 26 ngành, nghề đào tạo. Trong đó:

- Trình độ cao đẳng: 18 ngành, nghề, gồm:

- + Quản trị kinh doanh
 - + Kinh doanh thương mại
 - + Kinh doanh xuất nhập khẩu
 - + Logistics
 - + Marketing
 - + Tài chính ngân hàng
 - + Tài chính doanh nghiệp
 - + Kế toán
 - + Kiểm toán
 - + Quản lý công nghiệp
 - + Hướng dẫn du lịch
 - + Công tác xã hội
 - + Quản trị khách sạn
 - + Tiếng Anh
 - + Tiếng Hàn Quốc
 - + Công nghệ thông tin
 - + Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)
 - + Đồ họa đa phương tiện
- Trình độ trung cấp: 8 ngành, nghề, gồm:
- + Logistics
 - + Hướng dẫn du lịch
 - + Kinh doanh thương mại và dịch vụ



+ Kinh doanh xuất nhập khẩu

+ Quản lý doanh nghiệp

+ Công tác xã hội

+ Kế toán doanh nghiệp

+ Kế toán hành chính sự nghiệp

b) Địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm:

- Trụ sở chính: ☒

- Số địa điểm đào tạo ngoài trụ sở chính: Không có

7. Địa điểm đào tạo chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Không có.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông kê đội ngũ giảng viên

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên cơ hữu	117	20	94	3	0	0
2	Giảng viên thỉnh giảng	138	41	89	8	0	0

2. Thông kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên

TT	Chỉ số	Số lượng
1	Số cán bộ quản lý	33
2	Số nhân viên	63

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Chỉ số (m ²)
1	Diện tích sàn/sinh viên	1.5 m ² /sinh viên
2	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	4,5 Mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất	6.590,1	6.590,1		
2	Tổng diện tích sàn	27.500,47	27.500,47		

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Kinh phí (triệu đồng)
1	Mua sắm cơ sở vật chất và trang thiết bị	2.260
2	Xây dựng sửa chữa tòa nhà	1.975
3	Sửa chữa/ nâng cấp phòng thực hành	740

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt):

+ Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC.

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Theo thông tư 15/2017/TT-BLĐT&BXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Mức độ đạt kiểm định: Tổng số điểm đạt được 93/100.

- Thời gian hiệu lực: Từ ngày 06 tháng 02 năm 2023 đến ngày 05 tháng 02 năm 2028.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	Hướng dẫn du lịch	Hướng dẫn du lịch	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC	Hiệu lực đến 09/12/2027
2	Logistics	Logistics	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC	Hiệu lực đến 14/8/2028

TT	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
3	Kế toán	Kế toán	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC	Hiệu lực đến 03/11/2028
4	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC	Hiệu lực đến 19/01/2029
5	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC	Hiệu lực đến 09/5/2029
6	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC	Hiệu lực đến 09/01/2030

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Chỉ số
1	Số lượng nhập học	2955
2	Số lượng người học tốt nghiệp	1209
3	Tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	84%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Số lượng người học đang học	Số lượng người học tuyển mới	Số lượng người học tốt nghiệp
I	Trung cấp			
1	Công tác xã hội	0	0	0
2	Hướng dẫn du lịch	0	0	0
3	Kế toán doanh nghiệp	0	0	01 học sinh (khóa cũ)
4	Kế toán hành chính sự nghiệp	0	0	0

TT	Số lượng người học	Số lượng người học đang học	Số lượng người học tuyển mới	Số lượng người học tốt nghiệp
5	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	0	0	0
6	Kinh doanh xuất nhập khẩu	0	0	0
7	Logistics	0	0	0
8	Quản lý doanh nghiệp	0	0	0
II	Cao đẳng			
1	Công nghệ thông tin	162	100	28
2	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	127	49	39
3	Công tác xã hội	52	40	14
4	Đồ họa đa phương tiện	62	93	0
5	Hướng dẫn du lịch	84	57	11
6	Kế toán	723	384	222
7	Kiểm toán	57	25	21
8	Kinh doanh thương mại	259	233	125
9	Kinh doanh xuất nhập khẩu	156	117	70
10	Logistics	291	277	131
11	Marketing	238	445	0
12	Quản lý công nghiệp	40	35	22
13	Quản trị kinh doanh	965	382	352
14	Quản trị khách sạn	150	152	26
15	Tài chính - Ngân hàng	253	225	57
16	Tài chính doanh nghiệp	31	27	0
17	Tiếng Anh	286	209	76
18	Tiếng Hàn Quốc	127	105	14
Tổng		4063	2955	1209

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)
1	Đề tài cấp bộ, tỉnh	01	1.300
2	Đề tài cấp cơ sở	26	246
Tổng số		27	1.546

2. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Số lượng
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	09
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	01

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Đơn vị tính (tỷ đồng)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	58,5
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	12,5
II	Thu giáo dục và đào tạo	46
1	Học phí, lệ phí từ người học	36
2	Thu khác	10
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	44,9
I	Chi lương, thu nhập	17
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	7,6
2	Chi lương, thu nhập của nhân viên	5,6
3	Chi lương, thu nhập cho cán bộ quản lý	3,8
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	11,9
1	Chi cho nghiên cứu	0,2
2	Chi phí chung và chi khác	11,7

TT	Chỉ số thống kê	Đơn vị tính (tỷ đồng)
III	Chi hỗ trợ người học	3,7
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	3,2
2	Chi hoạt động khác	0,5
IV	Chi khác	12,3
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	13,6



HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú

